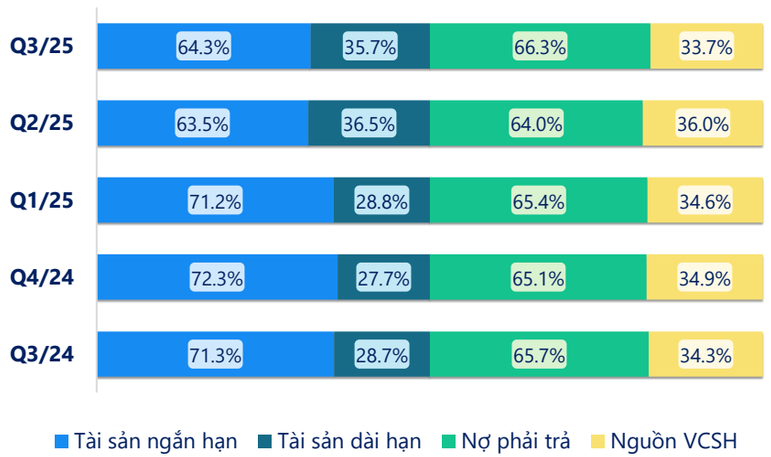
FireAnt

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,250
SL cổ phiếu LH	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,930
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	846
P/E	-9.0
EPS	-1,548

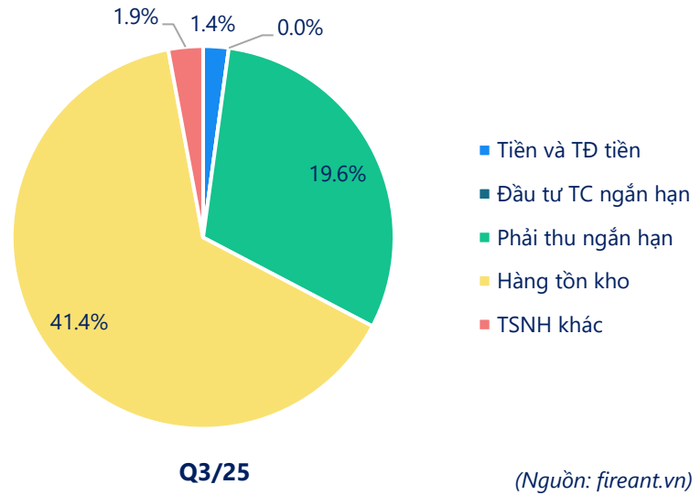
	YTD	1T	3T	6T
DTL	36.8%	22.4%	40.2%	37.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



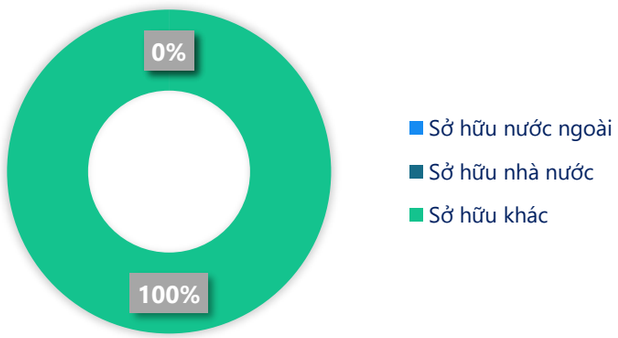
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



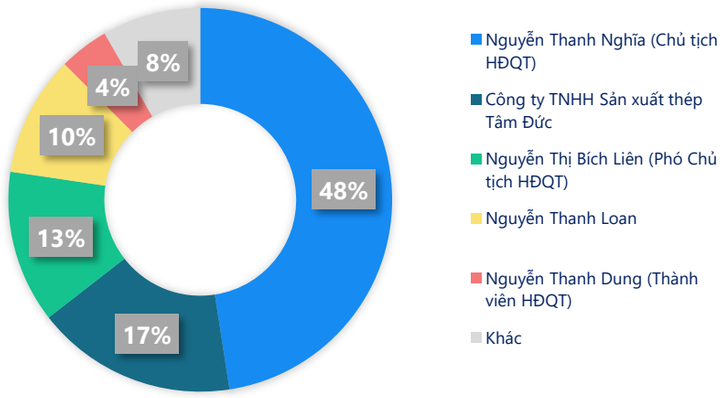
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



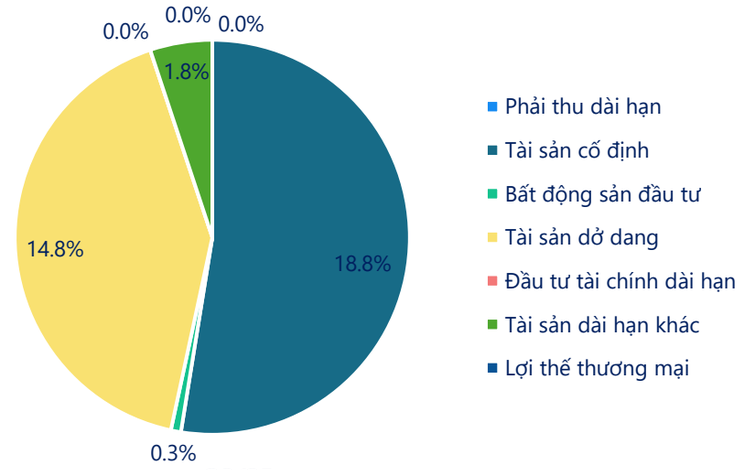
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

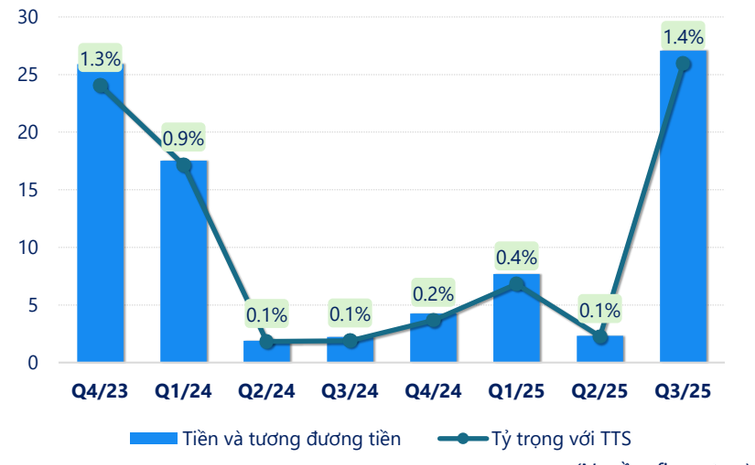


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

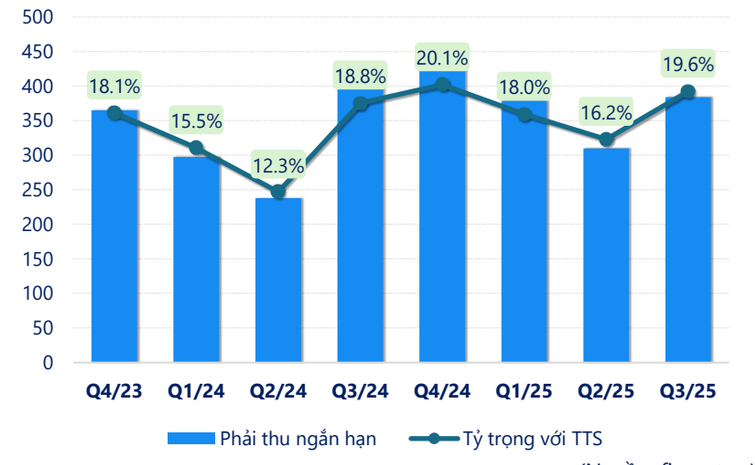
CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)

Tiền và tương đương tiền



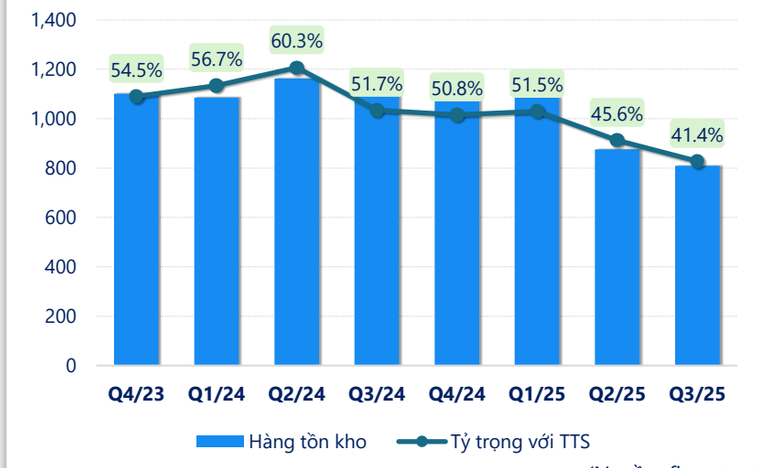
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



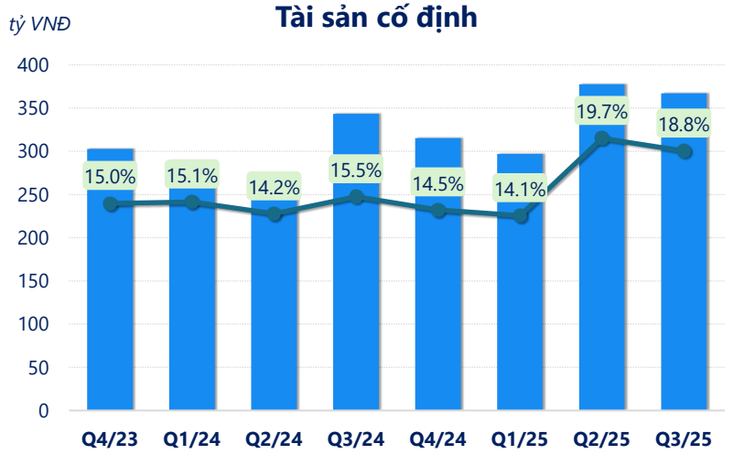
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



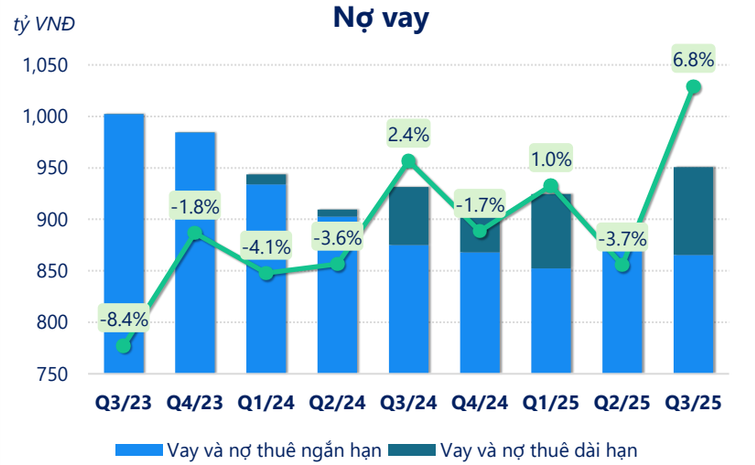
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



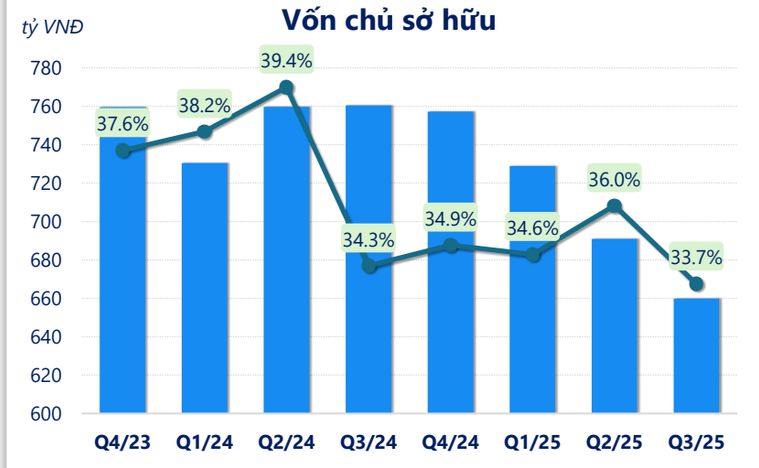
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

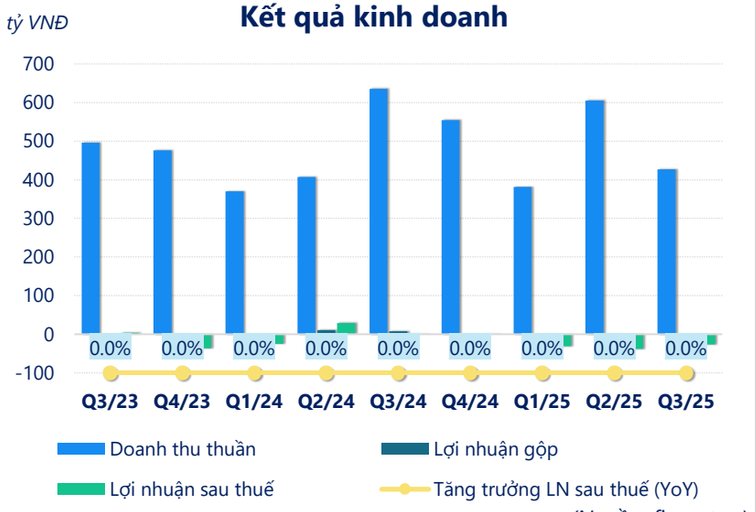


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

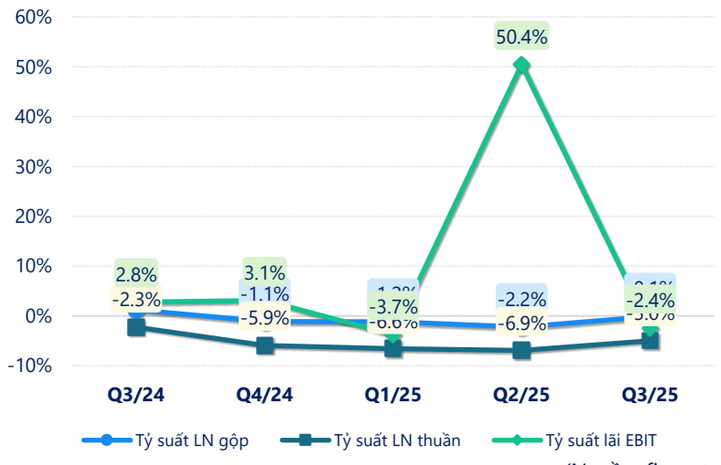
CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)

Kết quả kinh doanh



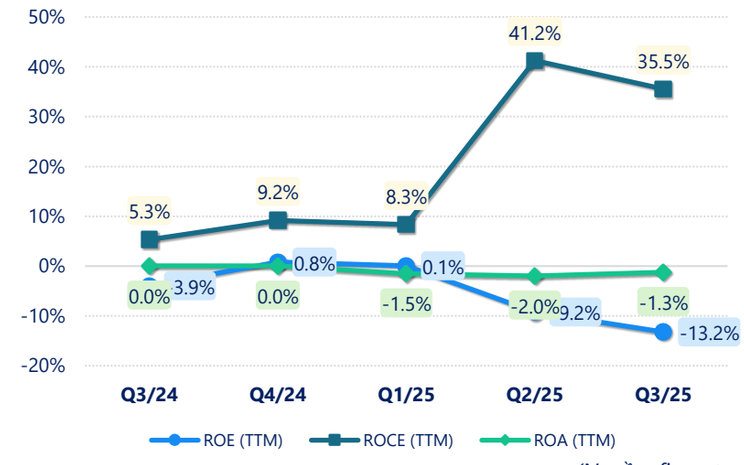
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



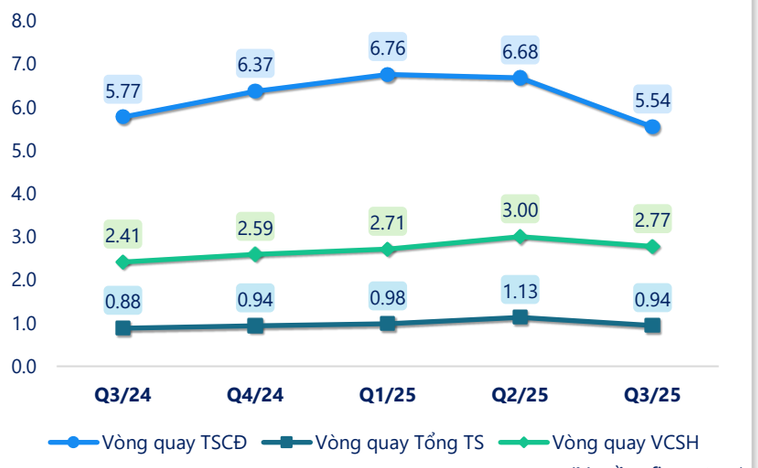
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



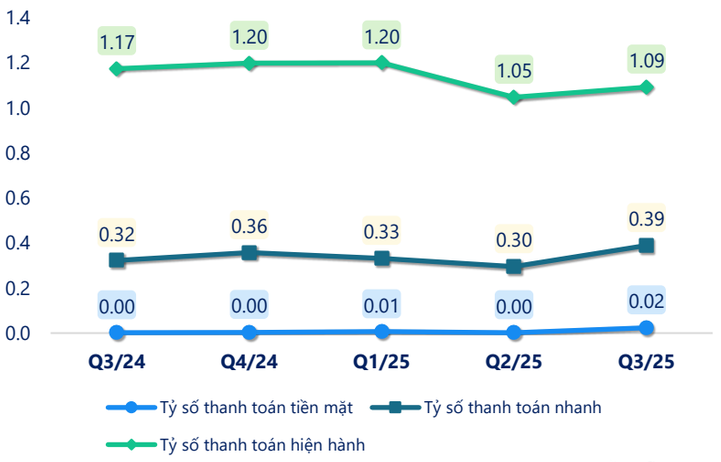
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



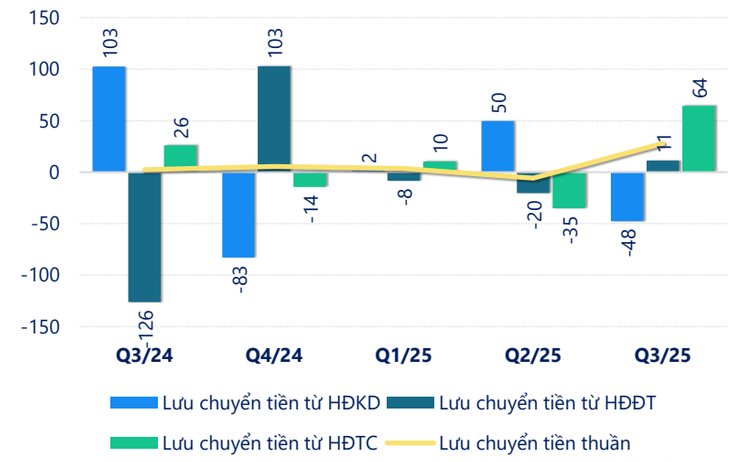
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,955**	**2,120**	**-7.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,257	1,516	-17.1%
Tiền và tương đương tiền	27.1	4.51	500%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	384	363	5.8%
Hàng tồn kho	809	1,124	-28.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.8	24.4	50.8%
Tài sản dài hạn	**699**	**604**	**15.7%**
Phải thu dài hạn	0	2.15	-100%
Tài sản cố định	367	306	20.1%
Bất động sản đầu tư	5.77	9.58	-39.8%
Tài sản dở dang	290	249	16.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**35.6**	**37.4**	**-4.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,295	1,360	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**1,150**	**1,299**	**-11.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	865	911	-5.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	219	280	-21.6%
Nợ dài hạn	145	61.6	135%
Vay và nợ thuê dài hạn	85.4	4.15	1960%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**660**	**759**	**-13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**660**	**759**	**-13.1%**
Vốn điều lệ	614	614	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	635	554	382	605	427
Giá vốn hàng bán	627	561	386	618	427
Lợi nhuận gộp	7.82	-6.20	-4.49	-13.4	-0.36
Doanh thu HĐTC	0.00	0.24	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	16.9	20.2	16.5	21.7	15.8
Chi phí lãi vay	16.9	16.5	16.3	338	15.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.53	1.04	0.44	0.88	0.56
Chi phí QLDN	4.78	5.55	3.68	5.89	4.63
LN thuần từ HĐKD	-14.4	-32.7	-25.1	-41.8	-21.4
Lợi nhuận khác	15.2	33.6	-5.54	8.72	-4.83
LN trước thuế	0.87	0.91	-30.6	-33.1	-26.2
Lợi nhuận sau thuế	0.87	0.91	-30.6	-37.9	-26.2
LNST của CĐ cty mẹ	0.87	0.91	-30.6	-37.9	-26.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	103	-82.8	1.69	49.7	-47.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-126	103	-8.32	-20.4	11.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	25.9	-14.4	10.3	-35.2	64.3
Tiền đầu kỳ	1.89	2.23	4.18	7.67	2.32
Lưu chuyển tiền thuần	**2.28**	**5.50**	**3.63**	**-5.84**	**27.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.65	-3.47	-0.13	0.15	-2.82
Tiền cuối kỳ	2.23	4.26	7.67	2.32	27.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic